

Huyền Tráng, Huyền Tảng hay Huyền Trang?

Hiện tượng đồng hóa âm thanh (phần 2)

Nguyễn Cung Thông

nguyencungthong@yahoo.com

So sánh cách đọc Hán Việt (HV) với các cách đọc từ vận thư ("chính thống") của Trung Quốc (TQ) cho ta nhiều kết quả thú vị. Có những trường hợp khác biệt đã xảy ra và có thể do nhiều động lực khác nhau. Chính những khác biệt này là dữ kiện cần thiết để xem lại hệ thống ngữ âm Hán Việt và tiếng Việt để thêm phần chính xác. Bài viết nhỏ này chú trọng đến cách đọc tên nhà sư nổi tiếng của TQ, Huyền¹ Trang (khoảng 602–664, viết tắt trong bài này là HT) 玄奘 hay Tam Tạng, có ảnh hưởng không nhỏ cho Phật Giáo TQ, Việt Nam, Nhật và Hàn Quốc. Sư HT đã dịch nhiều bộ kinh và luận Phật giáo từ tiếng Phạn qua tiếng Hán, đưa Phật giáo gần đến nguồn Ấn Độ nguyên thủy hơn so với nhiều kinh dịch sai sót nhưng rất phổ thông vào thời trước (và cho đến ngay cả bây giờ).

Các chữ viết tắt trong bài này là BK (Bắc Kinh), TVGT Thuyết Văn Giải Tự (khoảng 100 SCN), NT (Ngọc Thiên/543), ĐV (Đường Vận/751), NKVT (Ngũ Kinh Văn Tự/776), LKTG (Long Kham Thủ Giám/997), QV (Quảng Vận/1008), Tập Vận (TV/1037/1067), CV (Chính Vận/1375), TVi (Tự Vị/1615), VB (Vận Bỗ/1100/1154), VH (Vận Hội/1297), LT (Loại Thiên/1039/1066), CTT (Chính Tự Thông/1670), TTTT (Tứ Thanh Thiên Hải), Tự Vị Bỗ (TViB/1666), KH (Khang Hi/1716), HNĐTĐ (Hán Ngữ Đại Tự Điển/1986), Thiết Vận (ThV/601), Vận Kinh (VK/1161), VBL (từ điển Việt Bồ La, Dictionarium Annamiticum-Lusitanum-Latinum, Alexandre de Rhodes/1651), td. (thí dụ), sđd (sách đã dẫn). Chỉ số sau một âm tiết là chỉ thanh điệu, không nên nhầm với số phụ chú ghi theo thứ tự trong bài, dấu > (hàm ý biến ra/trở thành).

1. Lấn cấn trong cách đọc Huyền Trang qua chữ quốc ngữ

Theo một bài viết² của Đại Đức TS Thích Giác Hoàng (viết tắt là TGH) thì có vấn đề về cách đọc "*Tuy nhiên, gần đây có một vài vị (Thầy Tuệ Sĩ, Sư Giác Nguyên và một số vị nghiên cứu văn học Trung Quốc) phiên âm tên của vị Pháp Sư lâu nay đã quen là Huyền Trang thành Huyền Tráng, làm cho một vài vị hơi ngỡ không biết đó có phải là đánh máy nhầm không ?*".

Vấn đề đọc cho chính xác/dễ hiểu và được **công nhận** danh từ nước ngoài (như trường hợp HT chẳng hạn) không đơn giản, nhất là khi hai nền văn hóa TQ và VN đã ở bên cạnh bao ngàn năm nay. Có nhiều từ gốc phương Nam đã nằm trong vốn từ Hán từ ngàn năm trước, và ngược lại có những từ gốc Hán đã biến đổi nhiều đến nỗi được dùng như một từ thuần Việt mà ít người nhận ra!

Các văn bản cho thấy chữ 莢 đã từng đọc là trảng, tảng và cách dùng Huyền Trang có khả năng rất cao là hiện tượng xảy ra từ đầu thế kỷ XX cho đến nay thì trở thành phổ thông.

2. Các cách đọc chữ 莢 từ tài liệu tiếng Hán

Chữ trang 莢 hay 莢 (thanh mẫu tùng/tông 從 vận mẫu đàng/đường 唐 thượng/khứ thanh, khai khẩu nhất đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

徂朗切 tồ lãng thiết (TVGT, QV)

徂浪切 tồ lãng thiết (QV)

才朗切 tài lãng thiết (TV)

在黨切, 藏上聲 tại đảng thiết, tàng thượng thanh (CV, TViB)

才浪切, 音葬 tài lãng thiết, âm táng (TV, VH, CV)

徂朗徂浪二反 tồ lãng tồ lãng nhị phản (LKTG)

徂朗翻 tồ lãng phiên (BH 佩觿)

昨朗切 tạc lãng thiết (NT, TTTH)

側亮切 trắc lượg thiết (TV)

才朗 ㄣ̀ tài lãng phật (TNTTĐTA 精嚴新集大藏音)

CV ghi cùng vần/khứ thanh 藏 臧 臟 莢 (tàng tang tạng trang) - CV ghi thượng thanh và khứ thanh

昨朗切, 藏上聲 tạc lãng thiết, tàng thượng thanh (TVi, CTT)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là zàng zhuǎng so với giọng Quảng Đông zong1 zong6 và các giọng Mân Nam
客家话 : [梅县腔] zong5 [台湾四县腔] zong5 [客英字典] zong5 [宝安腔] zong1

[客语拼音字汇] zong1 [海陆丰腔] zong5 潮州话 : zang3(tsàng) zuang1(tsuang), giọng Mân Nam/Đài Loan chong7, tiếng Nhật jou sou zou và tiếng Hàn cang.

Đoàn Ngọc Tài (1735-1815) trong Thuyết Văn Giải Tự Chú ghi nhận

莢與壯音同 trang dũ trảng âm đồng

Bộ đại của chữ trang 奘 có thể viết bên phải (dưới chữ sĩ) và thêm một nét (chữ khuyên - xem Tập Vận - chữ này rất hiếm) với nghĩa tiêu cực "vọng cường khuyên", có cách đọc là 側羊切 trắc dương thiết (TV) - bình thanh. Đây là vết tích xưa nhất cho thấy khả năng đọc là trang (bình thanh) của tráng trong TV (1037/1067), đây cũng là cách đọc của chữ trang bộ thảo 莊 (trong cách dùng trang nghiêm, trang trọng, Khang trang ...).

3. Tại sao lại có các khả năng đọc khác nhau của trang?

Từ bảng liệt kê các cách đọc/phiên thiết bên trên, ta thấy ngay Huyền Tảng và Huyền Tráng là gần với âm nguyên thủy hơn (thượng/khứ thanh). Hai chữ trang bộ đại (trong Huyền Trang) và trang bộ thảo (trong trang trọng) đều dựa vào thanh phù tráng 壯 (mạnh mẽ, trong cường tráng). Một âm cổ phục nguyên (reconstructed sound) của trang bộ đại 奘 là *dzan, giải thích tại sao tiếng Việt dùng phụ âm đầu *tr (phụ âm đầu lưỡi/quặt) so với phụ âm đầu t- (đầu lưỡi/vô thanh/bật).

Tiếng Trung (Quốc) hiện nay vẫn còn vết tích hai loại phụ âm này qua cách đọc BK (theo pinyin) zàng zhuǎng. Nguyên nhân của các cách đọc khác nhau trong tiếng Việt có thể là

3.1 Đọc sai

Đọc chệch tên người nước ngoài trong tiếng Việt hầu như là một kết quả tự nhiên, tuy nhiên cần phải xác định khi nào sự khác biệt là sai hay đúng và dựa trên tiêu chuẩn nào. Ngôn ngữ thay đổi theo thời gian (lịch đại - td. âm thượng cổ và trung cổ) và không gian (đồng đại - td. phương ngữ), thể hiện qua các bảng liệt kê cách đọc của chữ trang (tráng, tảng, táng, tãng ...) và thổ (đỗ, đở, đờ ...). Khả năng thay đổi đa chiều một cách sống động là một đặc trưng của ngôn ngữ con người, phản ánh qua các bảng liệt kê cách đọc trong bài viết này.

3.2 Ảnh hưởng của phạm trù nghĩa

Tên tiếng Việt thường dựa vào chữ Hán (âm HV) và có vẻ thâm trầm/"bác học" như Hoa, Dũng, Đạt, Hiền ... So với các tên khác như Đen, Bông, Cu ... Nên Tráng có thể cho ta liên tưởng đến các ý tích cực như trang (trang trọng) hay trang (trang hoàng), đặc biệt khi là tên của một vị cao tăng nổi tiếng trong lịch sử hình thành Phật giáo ở Á Châu. Tuy nhiên, không thấy văn bản nào ghi trang bộ đại bằng những chữ trang khác dựa vào bộ thảo (trang trọng), bộ y (trang hoàng) ...v.v...

3.3 Ảnh hưởng của thanh phù tráng/trang 壯

Tráng 壯 có thể là tên riêng, như nhà cách mạng Đinh Công Tráng 丁公壯 (1842 - 1887), là thành phần hài thanh trong chữ 奘, theo TVGT

駟大也。从力从壯，壯亦聲 ảng đại đã, tòng đại tòng tráng, tráng diệc thanh

(ảng 駟 là ngựa khỏe mạnh/tuấn mã, chữ 力 là chữ đại 大 cổ)

Vấn đề trở nên thú vị hơn khi hai âm gần nhau là ảng/tảng và tráng đều có chung nghĩa, như Phương Ngôn từng ghi nhận

秦晋之间, 凡人之大谓之樊, 或谓之壮 Tàn Tấn chi gian, phàm nhân chi đại vị chi trang, hoặc vị chi tráng

Thời VBL (1651), ảng chỉ một khối lớn (ảng) như *tảng chì*, *tảng cột* (VBL/trang 723) - so với ảng 礲 là đá kê chân cột - đều hàm ý to lớn. ngoài ra tương quan của ảng/tảng 穎 và ảng (tiếng Việt) cũng đáng truy nguyên thêm, nhưng không nằm trong phạm vi bài viết nhỏ này.

3.4 Khả năng ký hứ

Trong lúc bàn về bài viết này, một anh bạn có nhắc đến khả năng ký hứ: tuy nhiên, người viết vẫn chưa tìm thấy một tài liệu nào cho thấy cách đọc Huyền Trang là tránh tên của một vị cao tăng hay tên vị hoàng tộc nào. Xác suất ký hứ của tên người nước ngoài trong tiếng Việt lại càng thấp hơn bình thường.

3.5 Khuynh hướng đồng hóa âm thanh

Một cách giải thích cách đọc Huyền Trang là khuynh hướng đồng hóa âm thanh phổ thông trong ngôn ngữ con người, hay trong trường hợp bài này là đồng hóa thanh điệu (tone assimilation): Tráng/Tảng trở thành Trang (không dấu, thanh ngang) cùng âm điệu hay vần bằng với Huyền (dấu huyền). Đây không phải là một thí dụ duy nhất trong tiếng Việt, ta thấy có các cách dùng như

Tiếng Việt

Cá *đuôi > cá đuối (cá có đặc điểm là đuôi dài ...)

Nước *miệng > nước miếng⁴

...v.v...

Hán Việt

Chúng cư > chung cư (trong cách dùng quần chúng, dân chúng, chúng sinh ...)

Xa⁵ cù > xà cù

Kí Hòa > Kì Hòa

Câu kết > câu kết

Điền kính > điền kinh

Câu đáng > câu đang/đương

Điền kính > điền kinh

Khiếu nại > kêu nại

Huyền Tảng/Tráng > Huyền Trang

...v.v...

4. Một hệ luận của khuynh hướng đồng hóa thanh điệu

Dựa vào khuynh hướng đồng hóa thanh điệu, ta có cơ sở để giải thích một thuật ngữ trong Phật giáo, đó là cách gọi Tịnh Độ (Tịnh Độ tông). Tông Tịnh Độ là một trường phái rất phổ thông của Phật giáo ở Á Châu. Tịnh 淨 khú thanh nên thổ 土 cũng theo khuynh hướng "đồng hóa âm thanh" (đồng hóa thanh điệu trong các trường hợp này) để đọc thành độ (thay vì đố, đở, đồ). Tịnh Độ đã từng đọc là Tịnh Thổ

- Đào Duy Anh (trang 290, sđd)

- Gustave Hue (trang 914, sđd), tác giả ghi thêm “*Tịnh độ = Tịnh thổ*”

Bây giờ thì ta thường thấy/nghe cách dùng Tịnh Độ hơn. Xem lại cách đọc chữ thổ 土 (thanh mẫu thấu 透 hay định 定, vận mẫu mô 模 thượng thanh, khai khẩu nhất đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

它魯切 tha lỗ thiết (TVGT)

他戶達戶二切 tha hộ đạt hộ nhị thiết (NT, TTTH)

他魯切 tha lỗ thiết (ĐV, QV, CV) - QV/TV ghi thượng thanh (B)

統五切, 吐上聲 thống ngũ thiết, thổ thượng thanh (TV, LT, VH)

他古反 tha cổ phản (NKVT 五經文字, TNTTĐTA 精嚴新集大藏音))

徒古切 đồ cổ thiết (QV, CV, TVi) - TVi ghi âm đở 音杜 (C)

動五切, 音杜 động ngũ thiết, âm đồ (TV, LT, VH)

董五切, 音覩 đồng ngũ thiết, âm đồ (TV, VH, CV, TVi) (A)

丑下切, 音媿 sũu hạ thiết, âm sá (TV, LT)

TNAV ghi cùng vần 魚模 ngư mô (thượng thanh)

CV ghi cùng vần/thượng thanh 覩睹堵楮睹土賭 (đồ chữ thô)(A)

CV ghi cùng vần/thượng thanh 土吐稌 (thổ đồ) (B)

CV ghi cùng vần/thượng thanh 杜土莊肚 (đỗ thổ) (C)

同都切, 音徒 đồng đô thiết, âm đồ (TViB)

他魯切, 免上聲 tha lỗ thiết, thổ thượng thanh (TVi)

他魯切, 徒上聲 tha lỗ thiết, đồ thượng thanh (CTT)

...v.v...

Giọng BK bây giờ là tử so với giọng Quảng Đông tou2 dou6 và các giọng Mân Nam

客家话 : [客语拼音字汇] tu3 [陆丰腔] tu3 [梅县腔] tu3 [东莞腔] tu3 [客英字典] tu3 [宝安腔]

tu3 [沙头角腔] tu3 [台湾四县腔] tu3 tu2 [海陆丰腔] tu3 tu2 潮州话 : tou2(thóu), giọng Mân

Nam/Đài Loan thou2, tiếng Nhật do to và tiếng Hàn tho twu.

Các dạng Tịnh Đỗ, Tịnh Đồ, Tịnh Đồ đều không thấy hiện diện so với các dạng Tịnh Thổ và Tịnh Độ - dạng Tịnh Độ là thường gặp hơn cả, nhưng không cho ta liên tưởng ngay đến cõi (chỗ) an lạc như tiếng Phạn sukhavati hay Tịnh Thổ 淨土 (dịch nghĩa gần đúng từ tiếng Phạn).

Tóm lại, một cách giải thích cách đọc Huyền Trang có thể là kết quả của quá trình đồng hóa thanh điệu từ tên riêng gốc Hán. Khuynh hướng ảnh hưởng qua lại của các âm gần nhau không phải chỉ xảy ra trong tiếng Việt, nhưng trong hầu hết các ngôn ngữ loài người. Dựa vào nguyên tắc này, ta có cơ sở giải thích nhiều cách dùng khác trong tiếng Việt và Hán Việt như xà cừ, nước miếng, Tịnh Độ ...v.v... Khuynh hướng đồng hóa thanh điệu cũng cho ra những **thể thơ** trong ngôn ngữ, làm cho lời nói nghe êm tai hơn đối với người bản địa.

5. Phụ chú và phê bình thêm

Phần này không hoàn toàn theo cách ghi tài liệu (Bibliography) tham khảo APA hay MLA vì bao gồm các phê bình thêm về đề tài, tài liệu và tác giả để người đọc có thể tra cứu thêm chi tiết và

chính xác. Để cho liên tục, bạn đọc có thể tham khảo thêm bài viết "Tản mạn về tiếng Việt - hiện tượng đồng hoá âm thanh (phần 1)" cùng tác giả (Nguyễn Cung Thông) trên các trang mạng như <http://quangduc.com/a58064/tan-man-ve-tieng-viet-hien-tuong-dong-hoa-am-thanh-> hay <http://newvietart.com/index4.2213.html> ...v.v...

1) Âm Huyền trong HT không có vấn đề nhiều so với âm Trang. Chữ huyền 玄 (thanh mẫu hạp 匣 vận mẫu tiên 先 bình thanh, hạp khẩu tứ đẳng) có các cách đọc theo phiên thiết

胡涓切, 音懸 hồ quyên thiết, âm huyền (TVGT, QV, TV, NT, LT, VH, TTTH, CV) - QV/TV ghi bình thanh

熒絹切 huỳnh quyên thiết (TV, CV) - TV/CV ghi thêm khứ thanh - TVi cũng ghi thêm khứ thanh (âm huyền 音眩)

呼沿切, 音懸 hô duyên thiết, âm huyền (CTT) ...v.v...

Giọng BK bây giờ là xuân so với giọng Quảng Đông jyun4 và các giọng Mân Nam

客家话 : [海陆丰腔] hien2 [客英字典] hien2 [沙头角腔] hen2 [东莞腔] hen2 [陆丰腔] hian3 [客语拼音字汇] hian2 [台湾四县腔] hien2 [梅县腔] hien2 [宝安腔] hen2 潮州话 : hiang5

【潮州】hiêng5 (hîang 旧时 : hîen), giọng Mân Nam/Đài Loan hian5, tiếng Nhật gen ken và tiếng Hàn hyen.

2) Thích Giác Hoàng, Phạm Phú Thành (2006) "HUYỀN TRANG, HUYỀN TRÁNG HAY HUYỀN TĂNG?" - có thể xem toàn bài ở trang này

<http://www.buddhismtoday.com/viet/khac/huyentrang.htm>

3) Gustave Hue (1937) "Dictionnaire annamite-chinois-francais" NXB Khai Trí in lại (Sài Gòn - 1971)

4) Xem qua các ngôn ngữ cùng họ và láng giềng với tiếng Việt: tiếng Mường (Bi) còn dùng *đác mễnh* (nước miêng, đác là nác/nước, mễnh là miêng) so với các ngôn ngữ khác như Nyah Kur (Chao Bon, liên hệ đến Môn) ta thấy cách dùng *dáak páang* (nước miêng, *dáak* là nước, *páang* là miêng); tiếng Khme có *túc mót* (nước miêng, *túc* là nước, *mót* là miêng); tiếng Chăm còn dùng *ia pabah* (nước miêng, *ia* là nước *pabah* là miêng) ...v.v... Các dữ kiện này cho ta cơ sở vững chắc để liên hệ miêng và miêng.

nước *miêng > nước miêng (đồng hóa thanh điệu)

Miêng và miêng đều có một dạng chữ Nôm là mãnh 𪛗, mãnh là âm Hán Việt (母梗切, 音猛 mẫu ngạnh thiết, âm mãnh - Tập Vận) so với âm Hán cổ là *miêng (武永切 vũ vĩnh thiết - Đường Vận).

5) Chữ xa 碑 (thanh mẫu xương 昌 vận mẫu ma 麻 bình thanh, khai khẩu tam đẳng)) có các cách đọc theo phiên thiết

尺遮切 xích già thiết (QV)

昌遮切, 音車 xương già thiết, âm xa (TV, CV) ...v.v...

Giọng BK bây giờ là chē jū so với giọng Quảng Đông cē1 và các giọng Mân Nam

客家话 : [客英字典] cha1 [台湾四县腔] ca1 [梅县腔] cha1 [海陆丰腔] cha1 潮州话 : cia1, tiếng Nhật sha và tiếng Hàn cha.

Nguyễn Cung Thông

nguyencungthong@yahoo.com

www.vietnamvanhien.net



vietnamvanhien.net